

BÁO CÁO
Thẩm tra các dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh
thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, theo kế hoạch từ ngày 20/11 đến ngày 03/12/2020 Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra thẩm tra **03** báo cáo và **12** dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung các dự thảo nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật; qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp và giải trình của cơ quan trình dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Đối với các báo cáo

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 (Báo cáo số 167/BC-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất kết quả thực hiện công tác năm 2020 về lĩnh vực kinh tế, báo cáo đã thể hiện tương đối đầy đủ những công việc trọng tâm mà UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo nhất là công tác phòng chống dịch Covid-19, dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, sâu bệnh trên cây trồng; công tác phòng chống khô hạn, phòng cháy chữa cháy rừng,... Tuy nhiên, tác động của dịch bệnh Covid-19, các cơn bão, áp thấp nhiệt đới đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, 15/21 chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch đề ra và 06/21 không đạt kế hoạch (trong đó có 05 chỉ tiêu kinh tế) như: tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 (GRDP) ước đạt 6,3% kế hoạch (kế hoạch 2020: 8,2%); thu nhập bình quân đầu người (*51,90 triệu đồng/54,80 triệu đồng, đạt 94,71% kế hoạch*); kim ngạch xuất khẩu (*580 triệu USD/610 triệu USD, đạt 92,06%*); thu ngân sách trên địa bàn (*ước đạt 4.628,4 tỷ đồng, bằng 89% dự toán HĐND tỉnh giao*); tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (*75.000 tỷ đồng/84.000 tỷ đồng, đạt 93,75% kế hoạch*).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của tỉnh cùng với các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu trong năm 2021, tuy nhiên, Ban thấy rằng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đề ra chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP): 8% và Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 70.000 tỷ đồng trở lên, tăng 2,5 lần so với năm 2020 là khá cao, trong khi đó tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chỉ đề ra mức 5.047 tỷ đồng, thấp hơn Nghị quyết 191/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020 đã

đề ra năm 2020 (5.200 tỷ đồng trở lên, thấp hơn 153 tỷ đồng). Do vậy, Ban đề nghị đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thảo luận đối với 03 chỉ tiêu này.

Ngoài ra, Ban đề nghị UBND tỉnh cần đánh giá một số tồn tại như: Việc thực hiện kế hoạch trồng rừng, trồng rừng thay thế; việc xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; tình hình triển khai quy hoạch chi tiết; tình trạng khai thác trái phép khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường vẫn còn xảy ra; chậm đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; chất lượng một số công trình chưa đảm bảo; công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, nhất là việc xử lý 30.752 trường hợp đã có Giấy CNQSDĐ nhưng tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chưa đến nhận (Báo cáo số 162/BC-HĐND ngày 26/6/2020 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về giám sát *về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh*”).

2. Báo cáo tài chính Nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2019 (Báo cáo số 163/BC-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

Căn cứ Điều 30 Luật Kế toán năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về *Báo cáo tài chính nhà nước*, theo quy định đây là năm thứ hai UBND tỉnh thực hiện việc báo cáo tài chính Nhà nước cho HĐND tỉnh, tuy nhiên đây là lần đầu tiên UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với Báo cáo tài chính Nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2019 như Báo cáo số 163/BC-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh.

Qua thẩm tra, Ban nhận thấy một số tồn tại như sau: Số liệu về tổng tài sản nhà nước năm 2019 chưa đầy đủ theo thực tế vì còn nhiều công trình đầu tư xây dựng cơ bản đã quyết toán, bàn giao, đưa vào sử dụng nhưng chưa đưa vào giá trị tài sản gồm một số công trình hạ tầng; trụ sở cơ quan nhà nước kể cả các đơn vị sự nghiệp chưa được cấp Giấy CNQSD đất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề xuất một số biện pháp trong công tác tổng hợp, lập báo cáo để việc xây dựng Báo cáo tài chính Nhà nước các năm tiếp theo đảm bảo chính xác, đầy đủ theo đúng quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính: Cùng với việc tiếp tục duy trì và tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan thu và các cơ quan liên quan trong việc đánh giá, tăng cường và đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp - theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế so sánh của tỉnh so với các tỉnh khác (ví dụ hoạt động du lịch; khu công nghiệp...) để giảm tác động của các khoản thu không mang tính bền vững và về lâu dài sẽ cạn kiệt (như khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất - hiện vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản thu tài chính...).

- Về việc quản lý chi phí: Cơ cấu chi phí vẫn chủ yếu là chi cho con người. Cần có định hướng và kế hoạch tăng cường việc chi cho đầu tư phát triển để tạo nguồn thặng dư tăng thêm cho những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, tiếp tục

tăng cường các giải pháp đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công, tiết kiệm các chi phí tài chính, giảm mạnh tỷ lệ vốn XDCB dở dang để nhanh chóng đưa công trình XDCB đi vào sử dụng góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu tài chính.

- Về quản lý tài sản công: Để đảm bảo chính xác số liệu về tài sản là kết cấu hạ tầng, nước sạch, số liệu tài sản đất đai là cơ sở hạ tầng đã hình thành nhưng chưa thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc chưa cấp quyền sử dụng đất đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính, rà soát và đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu hạ tầng, nước sạch, quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện hằng năm rà soát, bổ sung danh sách đơn vị dự toán cấp I nói riêng và các đơn vị cơ quan thuộc khu vực nhà nước khác (*như: các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ cả chi thường xuyên và chi đầu tư, ... hoạt động như doanh nghiệp nhà nước; các quỹ ngoài ngân sách, ... không có đơn vị kế toán cấp trên*) phải nộp báo cáo tài chính nhà nước.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ tăng cường công tác tập huấn cập nhật kiến thức trong công tác quản lý tài chính theo chế độ quy định và quản lý sử dụng tài sản công cho cán bộ công chức, viên chức chuyên trách về kế toán tài chính để họ không ngừng nâng cao trình độ xử lý tài chính và báo cáo theo quy định.

3. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021 (Báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 như Báo cáo UBND tỉnh trình. Cụ thể:

(1) Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 4.628,4 tỷ đồng; đạt 89% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 1,8% so cùng kỳ. Trong năm 2020, có 05/13 khoản thu đạt và vượt dự toán¹, 08/13 khoản thu không đạt dự toán². Có 12/17 huyện, thị xã thu đạt và vượt dự toán đề ra³, 05/17 huyện, thành phố và Văn

¹Gồm: Khoản thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương; Khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; Thuế bảo vệ môi trường; Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước; Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện.

²Gồm: Thu từ DNHN Trung ương; Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh; Thu lệ phí trước bạ, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thu phí, lệ phí; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Thu khác cân đối ngân sách. Trong đó, thu xuất nhập khẩu 3 năm liền không đạt kế hoạch (2018: 2018: 35,9%, 2019: 48,6%, 2020: 24,7%).

³ Gồm: Chư Păh (179,2%), Phú Thiện (114,5%), Ia Grai (110,8%), Mang Yang (132,2%), An Khê (108,9%), Krông Pa (123,2%), Ia Pa (113,8%), Đăk Pơ (136,3%), Đức Cơ (105,2%), Ayun Pa (121,1%), Chư Prông (138,7%), Kông Chro (120,1%).

phòng Cục thuế tỉnh chưa đạt tiến độ⁴ (*kể cả tiền sử dụng đất*). Đến ngày 30/9/2020, tổng nợ thuế toàn ngành là 1.087 tỷ đồng, tăng so với 31/12/2019 là 95 tỷ đồng (*tăng 9,6%*), gồm: Nợ khó thu là 691,4 tỷ đồng (*tăng so với 31/12/2019 là 25,3 tỷ đồng, tăng 3,8%*); nợ chờ xử lý là 27,4 tỷ đồng (*giảm so với 31/12/2019 là 79,9 tỷ đồng, giảm 74,4%*); nợ thông thường là 368,2 tỷ đồng (*tăng so với 31/12/2019 là 149,4 tỷ đồng, tăng 68,3%*).

- Chi ngân sách địa phương ước đạt 14.263,2 tỷ đồng; bằng 104,6% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 12,6% so cùng kỳ. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách cơ bản thực hiện đúng quy định, tiết kiệm, đảm bảo được các nhiệm vụ chi cần thiết theo dự toán HĐND tỉnh giao.

(2) Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 như Báo cáo UBND tỉnh trình. Cụ thể:

- Thu NSNN trên địa bàn:	5.047.000	triệu đồng;
- Tổng thu NSDP:	12.543.414	triệu đồng;
+ Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	4.420.440	triệu đồng;
+ Thu ngân sách Trung ương bổ sung:	8.091.974	triệu đồng;
- Tổng chi NSDP:	12.593.514	triệu đồng;
+ Tổng chi cân đối NSDP:	11.046.782	triệu đồng;
+ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:	1.546.732	triệu đồng;
- Bội chi NSDP:	50.100	triệu đồng.

II. Các dự thảo nghị quyết

1. Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 (Tờ trình số 2337/TTr-UBND ngày 19/11/2020)

Sau khi xem xét, thảo luận Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất dự thảo nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 do UBND tỉnh trình:

a) Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 là 4.556.390 triệu đồng (*không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên, thu từ Quỹ dự trữ tài chính*), đạt 101,1 % dự toán Chính phủ giao (4.503.600 triệu đồng), đạt 92,8% dự toán HĐND tỉnh giao (4.905.000 triệu đồng) và bằng 101% so với năm 2018.

Các khoản thu đạt khá so với dự toán HĐND tỉnh giao, gồm: thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu lệ phí trước bạ, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền thuê đất, mặt

⁴ Gồm: Chư Sê (98,8%); Kbang (98,9%), Đak Đoa (32,5%), Chư Puh (59,4%), Pleiku (94,7%); Văn phòng Cục (83,7%).

nước, thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu khác ngân sách.

Các khoản thu chưa đạt so với dự toán HĐND tỉnh giao, gồm: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thu thuế thu nhập cá nhân, thu thuế bảo vệ môi trường, thu phí và lệ phí, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Quyết toán chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

Quyết toán chi ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 là 14.683.000 triệu đồng, nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 thì quyết toán chi ngân sách nhà nước là 12.672.500 triệu đồng, đạt 107,5% dự toán Chính phủ giao (11.788.200 triệu đồng), đạt 103,1% dự toán HĐND tỉnh giao (12.283.400 triệu đồng).

2. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021 (Tờ trình số 2350/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

2.1. Dự toán ngân sách nhà nước

Sau khi xem xét, thảo luận Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 như đề nghị của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

(1) Dự toán thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Trung ương dự kiến giao là 4.552.300 triệu đồng. Tổng thu ngân sách địa phương xây dựng là 5.047.000 triệu đồng, tăng 494.700 triệu đồng và tăng 9% so với ước thực hiện năm 2020.

Việc xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2021 phù hợp với Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính *hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023*; Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 và sát thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai.

(2) Dự toán thu ngân sách địa phương

Tổng thu NSDP:	12.543.414 triệu đồng;
----------------	------------------------

Trong đó:

- | | |
|--|-----------------------|
| - Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: | 4.420.440 triệu đồng; |
| - Thu ngân sách Trung ương bù sung: | 8.091.974 triệu đồng; |
| + Bù sung cân đối ngân sách: | 6.067.170 triệu đồng; |
| + Bù sung thực hiện cải cách tiền lương: | 478.072 triệu đồng; |
| + Bù sung có mục tiêu: | 1.546.732 triệu đồng; |
| - Thu kết dư: | 31.000 triệu đồng. |

(Chưa bao gồm vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021).

(3) Dự toán chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP: 12.593.514 triệu đồng;

- Chi đầu tư phát triển: 3.313.937 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 8.820.941 triệu đồng;

Gồm:

3.1. Tổng chi cân đối NSDP: 11.046.782 triệu đồng;

- Chi đầu tư phát triển: 2.229.410 triệu đồng (đã bao gồm các chương trình, dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2021);

- Chi trả nợ gốc năm 2020 từ nguồn kết dư: 31.000 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 8.358.554 triệu đồng;

3.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.546.732 triệu đồng;

(4) Bội chi NSDP: 50.100 triệu đồng.

Việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 giảm so với năm 2020 vì:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp giảm 168.830 triệu đồng (không tính tiền sử dụng đất); thu các loại phí, lệ phí, thu khác giảm 302.830 triệu đồng, đã ảnh hưởng trực tiếp đến dự toán chi ngân sách nhà nước các huyện, thị xã thành phố, từ đó dự toán chi thường xuyên của các địa phương năm 2021 giảm.

- Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 giảm so với năm 2020 (444.845 triệu đồng/ 722.616 triệu đồng, giảm 277.771 triệu đồng).

2.2. Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021

Sau khi xem xét, thảo luận Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021 như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời qua thẩm tra, Ban có một số ý kiến sau:

(1) Ban đề nghị điều chỉnh kinh phí phân bổ của một số nội dung trong dự toán năm 2021 như sau:

- Kinh phí "chăm sóc rừng và trồng rừng".

- Kinh phí "Trích 10% tiền thuê đất ngân sách tỉnh hưởng để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy CNQSDĐ (Sở Tài nguyên và Môi trường)".

- Kinh phí "Xây dựng hệ thống flatfom quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống hồ sơ quản lý nhà nước và hỗ trợ vận hành hệ thống văn bản quản lý điều hành theo cấp độ".

- Kinh phí "Mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng, nâng cao năng lực quản lý đất đai".

- Kinh phí "Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai".
- Kinh phí "Xác định và công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối và hạ lưu các hồ chứa tỉnh Gia Lai".
- Không bố trí kinh phí cho nội dung "sách tài liệu giáo dục địa phương cấp cho học sinh dân tộc" vì căn cứ để thực hiện nội dung này đã được UBND tỉnh trình HDND tỉnh bãi bỏ tại Kỳ họp lần này.
- Kinh phí "Thiết bị dạy học theo Chương trình phổ thông mới".
- Kinh phí "Mua sắm trang thiết bị phòng học ngoại ngữ phục vụ chương trình phổ thông mới cho các trường trực thuộc".
- Điều chỉnh giảm nội dung "Phụ cấp, hoạt động của đại biểu HDND tỉnh" tại cột tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương.
- Điều chỉnh tăng nội dung "Sở Giao thông vận tải" tại cột tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương.

(2) Tại Biểu số 8b bổ sung cột: "Tổng quỹ tiền lương các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo mức lương 1.490.000 đồng của biên chế được giao".

Đối với các nội dung tại Mục (1), (2) cơ quan trình dự thảo nghị quyết đã tiếp thu và thống nhất điều chỉnh tại buổi họp thẩm tra.

(3) Việc bố trí kinh phí chi thường xuyên cho Trường Cao đẳng Sư phạm tại Biểu 8a - Biểu chi tiết phân bổ chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo năm 2021 là 12.117 triệu đồng là chưa đúng quy định tại Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo quy định thì kinh phí chi thường xuyên được phân bổ theo số lớp đào tạo và Trường chỉ được cấp 2.750 triệu đồng⁵. Tuy nhiên, thực tế hiện nay Trường Cao đẳng Sư phạm còn 82 biên chế được giao đang có mặt, do đó UBND tỉnh đề nghị bố trí 12.117 triệu đồng để trả lương và các khoản đóng góp theo lương. Ban đề nghị trong khi chưa hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy đối với Trường Cao đẳng Sư phạm, HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự toán phân bổ ngân sách năm 2021 cho Trường Cao đẳng Sư phạm như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh sớm có phương án sắp xếp, tinh gọn bộ máy đối với Trường Cao đẳng Sư phạm.

(4) Đề nghị cơ quan trình dự thảo nghị quyết thuyết minh, giải trình, làm rõ dự toán phân bổ năm 2021 đối với các nội dung: "Hỗ trợ kinh phí môi trường, kiến thiết thị chính" (65.000 triệu đồng) tại Mục 19 Biểu số 5 - Dự toán chi ngân sách nhà nước các huyện, thị xã, thành phố năm 2021.

(5) Kinh phí sửa chữa trường, lớp học, sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh bố trí

⁵ Hiện nay Trường Cao đẳng Sư phạm đang duy trì giảng dạy 06 lớp (05 lớp cao đẳng, 01 lớp trung cấp), định mức phân bổ: 05 lớp cao đẳng x 470 triệu đồng + 01 lớp trung cấp x 400 triệu đồng = 2.750 triệu đồng.

9 tỷ (đã trừ tiết kiệm) . Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 47 trường THPT là chưa đáp ứng được nhu cầu. Đề nghị Sở Tài chính, Sở Giáo dục - Đào tạo cần quan tâm đến việc bố trí kinh phí để sửa chữa, nâng cấp trường, lớp học trong những năm tới.

(6) Đối với khoản chi: Nguồn đầu tư phát triển từ nguồn chi cân đối ngân sách địa phương 2.229.410 triệu đồng, đã bao gồm các chương trình, dự án dự kiến khởi công mới năm 2021 nhưng tại Kỳ họp này chưa đủ điều kiện để đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2021. Đề nghị UBND tỉnh, căn cứ vào Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương chỉ đạo các ngành khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ cho các dự án khởi công mới năm 2021 trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định để đảm bảo các điều kiện bổ sung vào kế hoạch đầu tư công năm 2021.

3. Về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2347/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

* **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ Khoản 3, Điều 45; Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

*** Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh: Tổng số **242** công trình, dự án; diện tích **1.875,641** ha; dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng **1.511.560.122.476** đồng (ngân sách tỉnh 65.186.130.976 đồng, ngân sách huyện 266.795.966.500 đồng và nguồn vốn khác 1.179.578.025.000 đồng). Cụ thể như sau:

(1) Huyện König Chro: 05 công trình, dự án với diện tích 5,408 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.260.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác).

(2) Huyện Chư Prông: 08 công trình, dự án với diện tích 2,541 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 37.480.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(3) Huyện Chư Sê: 20 công trình, dự án với diện tích 56,745 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 21.367.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).

(4) Thành phố Pleiku: 15 công trình, dự án với diện tích 85,021 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 590.498.054.000 đồng (ngân sách thành phố và nguồn vốn khác).

(5) Huyện Chư Păh: 28 công trình, dự án với diện tích 180,711 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 101.371.654.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(6) Huyện Đak Đoa: 10 công trình, dự án với diện tích 92,031 ha và kinh

phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 23.440.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(7) Huyện Kbang: 11 công trình, dự án với diện tích 28,160 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 19.650.250.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(8) Thị xã Ayun Pa: 16 công trình, dự án với diện tích 87,310 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 87.000.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(9) Thị xã An Khê: 19 công trình, dự án với diện tích 66,797 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 164.614.700.000 đồng (ngân sách thị xã và nguồn vốn khác).

(10) Huyện Mang Yang: 10 công trình, dự án với diện tích 9,733 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 5.542.420.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(11) Huyện Chư Puh: 08 công trình, dự án với diện tích 251,330 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 44.260.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác).

(12) Huyện Đức Cơ: 12 công trình, dự án với diện tích 76,036 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 61.632.111.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(13) Huyện Ia Pa: 08 công trình, dự án với diện tích 675,963 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 239.039.130.976 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(14) Huyện Đăk Pơ: 17 công trình, dự án với diện tích 19,931 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 6.283.500.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(15) Huyện Phú Thiện: 18 công trình, dự án với diện tích 57,206 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 53.682.449.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(16) Huyện Krông Pa: 22 công trình, dự án với diện tích 67,053 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 27.438.853.500 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

(17) Huyện Ia Grai: 15 công trình, dự án với diện tích 113,665 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 26.000.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác).

* Riêng đối với 07 dự án sau, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh không chấp thuận thông qua tại Kỳ họp này, cụ thể như sau:

(1) **Huyện Chư Sê:** 02 công trình, dự án, gồm:

- Dự án "Kênh mương làng Greo Pết" (xã Dun) (02 ha). Lý do: Không phù hợp quy hoạch tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của

UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Dun, huyện Chư Sê đến năm 2030 (thời điểm dự kiến xây dựng công trình thủy lợi tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND là giai đoạn 2025-2030).

- Dự án "**Nghĩa địa làng nông thôn mới (làng Kte)**" (xã HBông) (0,3 ha). Lý do: Việc xây dựng mỗi làng một nghĩa trang là chưa phù hợp với quy hoạch chung của xã, cần cải tạo và nâng cấp nghĩa trang tập trung của xã theo Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã HBông, huyện Chư Sê đến năm 2030.

(2) **Huyện Mang Yang:** 01 công trình, dự án: "**Nghĩa trang làng Đê Ron**" (xã Đak Djrăng; 0,97 ha). Lý do: Diện tích thu hồi chưa phù hợp với quy hoạch tại Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND huyện Mang Yang về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đak Djrăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2027.

(3) **Huyện Đăk Po:** 03 dự án, bao gồm: Dự án "**Nghĩa địa làng Kuk Đăk**" (Xã An Thành; 02 ha); "**Nghĩa địa làng Klah Mô**" (Xã Yang Bắc; 0,75 ha); **Nghĩa địa làng Đăk Yang**" (Xã Yang Bắc; 01 ha). Lý do: Chưa bổ sung quy hoạch chung và quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo nên chưa đủ cơ sở để thu hồi.

(4) **Huyện Krông Pa:** 01 công trình, dự án: "**Khu công viên kết hợp phát triển thương mại dịch vụ và phát triển dân cư sinh thái Hồ Phú Cần**" (10 ha). Lý do: Chưa đủ căn cứ để thu hồi theo quy định tại khoản 2, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

* Ngoài ra, Ban đề nghị chỉnh sửa một số nội dung tại bảng biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:

- Điều chỉnh số kinh phí dự kiến bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các dự án: "*Đường Phan Đình Phùng - Đoạn ngã ba làng Pan*" của huyện Chư Sê (03 ha) (cột tổng 3 tỷ đồng nhưng cột "ngân sách cấp huyện" 1,3 tỷ đồng là chưa chính xác). Dự án "*Khôi phục khả năng vận hành đường dây 110 kV 176/Pleiku 5000-171/Kon Tum*" (huyện Chư Păh): chuyển 20 triệu đồng từ cột "ngân sách cấp huyện" sang cột "Nguồn vốn khác". Các Dự án: "*Đường từ Quốc lộ Trường Sơn Đông đi xã Krong vào Khu căn cứ cách mạng (Khu 10)*", Dự án "*Đường từ khu di tích lịch sử Vườn Mít - Cánh đồng cô Hầu đi thác Hang Dơi*", Dự án "*Chỉnh trang đô thị thị xã An Khê*", Dự án "*Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê, hạng mục: san nền, hệ thống xử lý nước thải, PCCC*", Dự án *Mở rộng đường Wuru* (huyện Phú Thiện), Dự án "*Cụm Công nghiệp huyện Phú Thiện*": chuyển số kinh phí dự kiến bồi thường, giải phóng mặt bằng từ cột "ngân sách tỉnh" sang cột "Nguồn vốn khác" và bổ sung tại cột ghi chú cụm từ "*Üng vốn từ quỹ phát triển đất tỉnh*". Dự án "*Trường THCS Chu Văn An cơ sở 2*" (huyện Mang Yang) chuyển số kinh phí dự kiến bồi thường, giải phóng mặt bằng từ cột "ngân sách tỉnh" sang cột "ngân sách huyện".

- Đề nghị đổi tên dự án "*Đường vào thác Ia Nhí*" (huyện Chư Puh) cho phù hợp với mục đích sử dụng là đường bảo vệ Hồ Plei Thơ Ga, phục vụ dân

sinh và phát triển du lịch.

*** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có một số đề nghị sau đây:**

- Đối với dự án: "Khu dân cư xã Chư HDrông (giai đoạn II)" (phường Chi Lăng, thành phố Pleiku; 0,763 ha). Ban đồng ý đưa vào danh mục thu hồi đất năm 2021; tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chỉ thực hiện thu hồi khi có văn bản thông nhất của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Đối với dự án: "Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 3" (xã Ia Krăi, huyện Ia Grai; 0,12 ha). Ban đồng ý đưa vào danh mục thu hồi đất năm 2021; tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chỉ thực hiện thu hồi khi có văn bản thông nhất của Công ty TNHH MTV Cà phê 705.

- Đối với các công trình, dự án Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đưa vào danh mục thu hồi đất năm 2021 để triển khai kế hoạch đầu tư công, Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chỉ thực hiện thu hồi đối với những dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và nằm trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

- Đối với các công trình, dự án Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đưa vào danh mục thu hồi đất năm 2021 để hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhưng chưa có trong quy hoạch, Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chỉ thực hiện thu hồi khi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Đối với những dự án đề nghị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi trình HĐND tỉnh tại những kỳ họp lần sau đề nghị cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải rà soát, tổng hợp đảm bảo hồ sơ theo quy định.

*** Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

4. Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2346/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

*** Cơ sở pháp lý:** Căn cứ Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

*** Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 gồm 69 dự án, công trình với diện tích 106,495 ha. Cụ thể như sau:

(1) Huyện Kông Chro: 01 công trình, dự án với diện tích 0,002 ha (đất trồng lúa).

(2) Huyện Chư Sê: 06 công trình, dự án với diện tích 13,530 ha (đất trồng lúa: 12,530 ha và đất rừng phòng hộ: 1,000 ha).

(3) Thành phố Pleiku: 04 công trình, dự án với diện tích 0,738 ha (đất trồng lúa: 0,733 ha và đất rừng đặc dụng: 0,005 ha).

(4) Huyện Chư Păh: 02 công trình, dự án với diện tích 10 ha (đất trồng lúa).

(5) Huyện Đak Đoa: 03 công trình, dự án với diện tích 0,183 ha (đất trồng lúa).

(6) Huyện Kbang: 02 công trình, dự án với diện tích 2,5 ha (đất trồng lúa).

(7) Thị xã Ayun Pa: 13 công trình, dự án với diện tích 21,5 ha (đất trồng lúa).

(8) Thị xã An Khê: 09 công trình, dự án với diện tích 27,240 ha (đất trồng lúa).

(9) Huyện Mang Yang: 02 công trình, dự án với diện tích 0,201 ha (đất trồng lúa).

(10) Huyện Chư Puh: 02 công trình, dự án với diện tích 9,000 ha (đất trồng lúa).

(11) Huyện Đức Cơ: 02 công trình, dự án với diện tích 0,018 ha (đất trồng lúa).

(12) Huyện Ia Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 8,4 ha (đất trồng lúa).

(13) Huyện Đăk Po: 06 công trình, dự án với diện tích 1,740 ha (đất trồng lúa).

(14) Huyện Phú Thiện: 07 công trình, dự án với diện tích 7,284 ha (đất trồng lúa).

(15) Huyện Krông Pa: 03 công trình, dự án với diện tích 1,000 ha (đất trồng lúa).

(16) Huyện Ia Grai: 04 công trình, dự án với diện tích 3,159 ha (đất trồng lúa).

* Riêng đối với **03** dự án sau, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh không chấp thuận thông qua tại Kỳ họp này, cụ thể như sau:

- **Huyện Chư Sê:** 01 công trình, dự án: "**Kênh mương làng Greo Pết**" (xã Dun; 02 ha). Lý do: Ban Kinh tế - Ngân sách chưa thống nhất thông qua tại danh mục thu hồi đất năm 2021.

- **Huyện Chư Păh:** 02 công trình, dự án, bao gồm:

+ Dự án "**Mỏ đá đại đoàn kết**" (0,3 ha). Lý do: Tại buổi họp thẩm tra, cơ quan trình dự thảo nghị quyết chưa giải trình, làm rõ vị trí, tọa độ, lý do đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Dự án "**Chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng cây lâu năm (xã Ia Mơ Nông (02 ha), xã Hòa Phú (03 ha), xã Chư Đang Ya (02 ha), xã Nghĩa Hòa (02 ha), xã Nghĩa Hưng (03 ha), xã Ia Khurol (03 ha), xã Ia Nhìn (02 ha), xã Ia Ka (02 ha), xã Đăk Tơ Ver (02 ha), xã Hà Tây (02 ha), xã Ia Phí (02 ha), thị trấn Phú Hòa (03 ha), thị trấn Ia Ly (02 ha))**" với tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích 30 ha. Lý do: Vượt thẩm quyền của HĐND

tỉnh theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

* **Đối với thể thức, bối cảnh dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

5. Về việc sửa đổi một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai, ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 2351/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

* **Cơ sở pháp lý:** Việc HĐND tỉnh sửa đổi một số nội dung tại văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Tại buổi họp thẩm tra cơ quan trình dự thảo nghị quyết đã tiếp thu toàn bộ góp ý của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và đã được chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh.

* **Đối với thể thức, bối cảnh dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

6. Về việc xin chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, Dự án xây dựng Khu A - Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (Tờ trình 2334/TTr-UBND ngày 19/11/2020)

* **Cơ sở pháp lý:**

Việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng Khu A - Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp huyện Đak Đoa là phù hợp với khoản 3, Điều 20 Luật lâm nghiệp năm 2017⁶.

* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban cơ bản thống nhất nội dung dự thảo nghị quyết về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác để thực hiện Dự án xây dựng Khu A Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp huyện Đak Đoa. Cụ thể:

- Diện tích chuyển đổi: 27,51 ha (đất có rừng 8,87 ha, đất chưa có rừng 18,64 ha).

- Hiện trạng sử dụng: Đất rừng sản xuất thông ba lá.

- Tài sản gắn liền với đất: 1.190 cây thông.

- Vị trí: Xã Tân Bình và thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa.

+ Lô 1 khoảnh 4 tiểu khu 518; Lô (2, 3, 4, 5, 6), khoảnh 3, tiểu khu 519, xã Tân Bình;

+ Lô (5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12), khoảnh 3, tiểu khu 519, thị trấn Đak Đoa.

⁶ Điều 20. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
3. HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chấn gió, chấn cát bay và rừng phòng hộ chấn sóng, lấn biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

- Kết quả điều tra rừng: Tổng diện tích 27,51 ha; 1.190 cây; trữ lượng 241,4m³. Trong đó: Diện tích đất có rừng là 8,87 ha, chiếm 32,2% tổng diện tích khu vực điều tra; Diện tích đất chưa có rừng: 18,64 ha, chiếm 67,8% tổng diện tích khu vực điều tra.

* **Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ quyết định cho chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi đã đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh rà soát, công bố các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư để các doanh nghiệp, nhà đầu tư biết, thực hiện.

7. Về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng Dự án Trung tâm hội nghị, khách sạn, dịch vụ nghỉ dưỡng tại huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (thuộc tổ hợp dịch vụ thương mại, Khu phức hợp Đak Đoa) (Tờ trình 2307/TTr-UBND ngày 16/11/2020)

* **Cơ sở pháp lý:**

Việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để để thực hiện Dự án Trung tâm hội nghị, khách sạn, dịch vụ nghỉ dưỡng (thuộc tổ hợp dịch vụ thương mại, Khu phức hợp Đak Đoa) là phù hợp với khoản 3, Điều 20 Luật lâm nghiệp năm 2017⁷.

* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Ban cơ bản thống nhất nội dung dự thảo nghị quyết về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác để thực hiện Dự án Trung tâm hội nghị, khách sạn, dịch vụ nghỉ dưỡng (thuộc tổ hợp dịch vụ thương mại, Khu phức hợp Đak Đoa). Cụ thể:

- Diện tích chuyển đổi: 23,29 ha (đất có rừng 22,82 ha, đất chưa có rừng 0,47 ha).
- Hiện trạng sử dụng: Đất rừng sản xuất.
- Tài sản gắn liền với đất: 5.500 cây thông.
- Vị trí: Xã Tân Bình và xã Glar, huyện Đak Đoa.
 - + Lô 1 khoảnh 1 tiểu khu 520, xã Glar.
 - + Lô 1 khoảnh 2; lô 1 khoảnh 4; lô 1, 2, 3 khoảnh 7 tiểu khu 518; lô 1, 2 khoảnh 3; lô 1 khoảnh 6 tiểu khu 519, xã Tân Bình, huyện Đak Đoa.

- Kết quả điều tra rừng: Diện tích đất có rừng là 22,82 ha, chiếm 98% tổng diện tích khu vực điều tra trong đó: Rừng trống: loài cây thông tổng diện tích là 22,82 ha chiếm 100% diện tích đất có rừng với tổng trữ lượng dự kiến là

⁷ Điều 20. Thủ trưởng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

3. HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chấn gió, chấn cát bay và rừng phòng hộ chấn sóng, lân biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

620,8m³; Diện tích đất chưa có rừng: 0,47 ha chiếm 2% tổng diện tích khu vực điều tra.

* **Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ quyết định cho chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi đã đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

8. Về việc điều chỉnh tổng thể Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (Tờ trình 2354/TTr-UBND ngày 19/11/2020).

Ban nhận thấy việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh tổng thể Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là chưa phù hợp với Luật Đầu tư công năm 2019. Nội dung UBND tỉnh xin đề nghị điều chỉnh bao gồm các nội dung đã được HĐND tỉnh ban hành nghị quyết điều chỉnh. Vì vậy, Ban không thống nhất, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết đề nghị điều chỉnh, bổ sung những dự án chưa được điều chỉnh và trình cho HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

9. Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 (Tờ trình 2401/TTr-UBND ngày 30/11/2020).

* **Cơ sở pháp lý:** Việc HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 là phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019.

* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban chưa thống nhất với tổng số vốn ngân sách địa phương UBND tỉnh dự kiến giao kế hoạch đợt 1 là 2.314.735 triệu đồng. Ban đề nghị HĐND tỉnh chỉ xem xét, bố trí cho những dự án đã được bố trí vốn cho giai đoạn đầu tư công 2016-2020 nhưng còn thiếu để chuyển tiếp qua năm 2021. Do đó, Ban đề nghị điều chỉnh tổng số vốn ngân sách địa phương UBND tỉnh dự kiến giao kế hoạch đợt 1 là **1.536.243** triệu đồng (gồm vốn ngân sách địa phương và vốn ngân sách Trung ương). Cụ thể, như sau:

- Vốn ngân sách địa phương: 1.235.957 triệu đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 627.505 triệu đồng (Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 199.505 triệu đồng; Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 428.000 triệu đồng).

+ Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 608.452 triệu đồng (Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 9.411 triệu đồng; Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 599.041 triệu đồng).

- Vốn ngân sách Trung ương: 300.286 triệu đồng.

* **Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

10. Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 2355/TTr-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh)

* **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 là đúng thẩm quyền.

* **Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Tại buổi họp thẩm tra cơ quan trình dự thảo nghị quyết đã tiếp thu toàn bộ góp ý của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và đã được chỉnh sửa trong dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh.

Ban đề nghị sau khi ban hành nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình này; kịp thời tham mưu UBND tỉnh quy đổi, điều chỉnh khi có các quy định, tiêu chuẩn, định mức mới do cơ quan cấp trên ban hành, đảm bảo không vượt mức hỗ trợ đã được quy định tại Chương trình này.

* **Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Mười sáu xem xét, quyết định./. *Nhew*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI;
- Lưu: VT-KTNS(Tr.).

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Đinh Phượng
Nguyễn Đình Phượng